

ĐỒNG NHẤT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - NHỮNG BIỂU HIỆN

Phan Thị Mai Hương

Viện Tâm lý học.

Tây Nam bộ là vùng đất được mở mang và khai khẩn, nên về mặt lịch sử, thành phần dân tộc nơi đây không có khái niệm dân tộc bản địa hay dân tộc di cư. Vùng đất này do các dân tộc cùng đến đó và cùng nhau sinh sống, làm ăn. Chính vì thế, mối quan hệ giữa các dân tộc ở đây cũng có đặc điểm nhất định, khác với vùng đất Tây Nguyên - là nơi có sự phân biệt khái niệm dân tộc bản địa và dân tộc di cư một cách rõ rệt. Ở Tây Nam bộ có 4 dân tộc chủ yếu sinh sống: Kinh, Khơ me, Hoa và Chăm. Với sự đan xen giữa các dân tộc cùng sinh sống trong một địa bàn là một quá trình giao lưu văn hoá. Trong quá trình này, sự hiểu biết, thâm nhập và tiếp nhận các giá trị văn hoá của các dân tộc khác ở nhiều lĩnh vực khác nhau với các mức độ khác nhau là điều tất yếu.

Đồng nhất dân tộc ở đây được hiểu là sự tiếp nhận các giá trị của một dân tộc đối với dân tộc khác để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của dân tộc mình. Đồng nhất dân tộc được biểu hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, đặc biệt là trong sinh hoạt hàng ngày. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm hiểu các lĩnh vực như cách ăn mặc, kiểu xây dựng và bố trí nhà cửa, ngôn ngữ sử dụng ngoài gia đình của các dân tộc Hoa và Khơ me đang sinh sống tại đồng bằng sông Cửu Long qua các số liệu khảo sát và cách thức tổ chức cưới xin cũng như cách thức làm ăn qua quan sát.

Số liệu điều tra⁽¹⁾

Số liệu ở bảng 1 (trang bên) hiển thị các mức độ đồng nhất dân tộc ở một số lĩnh vực trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của dân tộc Hoa và Khơ me. Từ đó, có thể đưa ra một số nhận định sau:

1. Lĩnh vực văn hoá mà đông đảo dân tộc Hoa và Khơ me ở Tây Nam bộ tiếp nhận của người Kinh nhiều nhất là *trang phục mặc hàng ngày (89,9%)*.

Ngày nay, đa số đông đảo các dân tộc sinh sống tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long thuộc các lứa tuổi, các thành phần, nam cũng như nữ, ở mọi trình độ học

vấn đều mặc quần áo như của người Kinh, đặc biệt là nam giới. Khi được hỏi vì sao dân tộc Hoa và Khơ me lại mặc quần áo theo kiểu của người Kinh thì lý do đầu tiên được đa số đề cập đến là lý do tiện lợi: quần áo của người Kinh gọn, thuận tiện trong đi lại và sinh hoạt, đẹp, dễ mặc hơn, thoải mái hơn, thoáng mát và dễ giặt hơn quần áo truyền thống của dân tộc mình với 67,5% số người trả lời xác nhận. Lý do tiếp theo có 37,6% số người lựa chọn cho rằng quần áo như của người Kinh rẻ hơn và dễ mua hơn quần áo dân tộc. Lý do được một số không nhỏ người đưa ra (26,5%) là không muốn bị phân biệt với người Kinh. Một lý do nữa cũng được nói đến như là kết quả của sự giao lưu văn hoá với dân tộc Kinh: thấy người Kinh biết ăn ở tốt với mọi người, với 24,8% số người trả lời, hoặc được trọng vọng hơn, với 11,1% số người chọn lựa.

Bảng 1: Các biểu hiện văn hoá trong sinh hoạt hàng ngày của đồng bào các dân tộc Hoa và Khơ me (tỷ lệ %)

Các lĩnh vực	Các biểu hiện	Dân tộc		Tổng
		Hoa	Khơ me	
Nhà cửa	Giống người Kinh	30,3	35,6	34,2
	Truyền thống dân tộc	24,2	13,8	16,7
	Kết hợp cả hai	42,4	46,0	45,0
Ngôn ngữ	Tiếng phổ thông	45,5	42,5	43,3
	Tiếng dân tộc	24,2	20,7	21,7
	Kết hợp cả hai	30,3	36,8	35,0
Ăn mặc	Giống người Kinh	96,9	87,4	89,9
	Truyền thống dân tộc	3,1	12,6	10,1

Trong khi đó, người Kinh sinh sống tại khu vực này không ăn mặc trang phục có kiểu dáng và hoa văn của người các dân tộc khác - họ mặc trang phục của dân tộc mình. Điều này cho thấy rằng, cách ăn mặc của người có những ưu thế nhất định đối với tất cả mọi người thuộc các dân tộc khác nhau, và hơn nữa, mặc như người Kinh cũng có thể được coi như một giá trị đối với các dân tộc khác. Đây là một trong những biểu hiện rõ nét của tính đồng nhất dân tộc, nhưng đó cũng chỉ là biểu hiện bề ngoài mà thôi.

2. Lĩnh vực có xu hướng kết hợp giữa truyền thống của dân tộc mình và nét văn hoá của người Kinh là *ngôn ngữ* sử dụng hàng ngày ngoài gia đình và cách *xây dựng, bài trí nhà cửa*.

Số liệu cho thấy, tiếng phổ thông được 43,3% số người được hỏi sử dụng thường xuyên trong giao tiếp ngoài gia đình, trong khi đó chỉ có 21,7% số người trả lời sử dụng tiếng dân tộc mình trong giao tiếp xã hội. Một số tương đối lớn (35%) sử dụng kết hợp cả hai thứ tiếng.

Trong xây dựng và bố trí nhà cửa thì 34,2% số người được hỏi có nhà được xây dựng và bài trí như nhà của người Kinh. Và có đến 45% số người được phỏng vấn đang sống trong ngôi nhà có sự đan xen giữa các nét văn hoá của dân tộc mình và dân tộc Kinh; chỉ có 16,7% số người trong nghiên cứu này có nhà được xây dựng và bài trí theo kiểu truyền thống của dân tộc mình.

Nhà của người Kinh là kiểu nhà xây, có mái lợp tôn hoặc ngói hoặc đổ mái bằng. Trong nhà có bộ bàn ghế uống trà, tiếp khách, chính diện là tủ thấp để ly, tách, hoặc tranh ảnh và phía trên mặt tủ để ti vi. Trong rất nhiều nhà thuộc các dân tộc khác nhau đều bài trí tương tự như nhau và mang những nét gần như nhau.

Còn các loại nhà được gọi là kết hợp nét văn hoá của dân tộc mình và dân tộc Kinh là những ngôi nhà được xây giống như của người Kinh, nhưng bài trí trong nhà có nét khác như không có bàn uống nước mà ngồi trên giường hoặc phản, hoặc trải chiếu ngồi dưới đất. Trong nhà, phòng khách mang tính cách biệt với nơi sinh hoạt khác của gia đình bằng tường xây, bằng tủ hoặc bằng bất cứ thứ gì có thể che được...

Trong lĩnh vực nhà ở, nhà truyền thống của người Hoa khác với người Kinh ở cách bài trí trong nhà cũng như màu sắc trong trang trí; còn nhà truyền thống của người Khơ me lại khác biệt ở chất liệu dùng để xây nhà và cách định vị ngôi nhà của mình so với nhà của hàng xóm. Nhà của người Hoa thường không chia thành nhiều phòng, có chiều sâu, kín đáo. Họ hay sử dụng màu đỏ trong nhà, đặc biệt ở những nơi uy nghiêm như bàn thờ, trên cao. Còn nhà truyền thống của người Khơ me thường có bề ngang rộng nhưng nông về chiều sâu, họ không chú trọng tính chắc chắn của cửa ra vào. Thường thì nhiều nhà quây thành một xóm có sân chung ở giữa, có hè ngoài của nhà là nơi kê những băng ghế để mọi người ngồi chơi, nghỉ ngơi. Từ nhà họ có thể nói chuyện với sang nhà kia cũng từ những băng ghế này. Nhà của họ mang tính chất mở, khác hẳn với tính khép kín của ngôi nhà người Hoa. Tuy nhiên, những ngôi nhà đậm chất truyền thống như vậy hiện nay tồn tại không nhiều lắm bởi được ở trong những ngôi nhà xây vuông vắn, sàn lát đá hoa... là mơ ước của nhiều người ở vùng đất này.

3. Tính đồng nhất dân tộc còn được thể hiện qua mong muốn *dựng vợ, gả chồng* cho con cái của các dân tộc.

Đa số người được hỏi đều khẳng định rằng, ngày nay, việc kết hôn giữa trai gái các dân tộc khác nhau là điều bình thường. Có đến 96,1% số người trả lời xác nhận rằng, đây là hiện tượng đang diễn ra ở địa phương của họ. Sự lựa chọn này xuất phát từ quyết định của bản thân với 72,9% số người trong mẫu trả lời, và 46,3% chuyện cưới hỏi là do cha mẹ quyết định. Có thể thấy rằng, ngày nay, một tỷ lệ rất lớn những người làm cha, làm mẹ đều tôn trọng ý muốn của con cái mình. Và số liệu cũng cho thấy rõ ràng, ở cả hai thế hệ thì sự phân biệt dân tộc trong hôn nhân không phải là vấn đề quan trọng, đặc biệt ở lớp trẻ. Nó dự báo cho xu hướng hoà đồng dân tộc trong tương lai.

Nếu xét ở thời điểm hiện tại, khi được hỏi về việc sẵn sàng gả cưới con cái cho người dân tộc nào thì số liệu cho thấy như sau:

- Cha mẹ người Khơ me và người Hoa nhận thấy gả con cho ai cũng được, không cần lựa chọn dân tộc nào với tỷ lệ tương đương nhau (18,2% và 17,2% tương ứng). Trong khi đó, số cha mẹ người Kinh có suy nghĩ như vậy chỉ chiếm 7,8%. Có thể thấy rằng, số cha mẹ người Kinh có tư tưởng hoà đồng dân tộc qua việc chọn người dân tộc nào cho hôn nhân của con cái mình chiếm tỷ lệ ít hơn so với người Khơ me và người Hoa ở đồng bằng sông Cửu Long. Nó cũng cho thấy, ở một khía cạnh nào đó, dân tộc Kinh có một ưu thế nhất định khiến cho họ nghĩ rằng việc hôn nhân của con cái nhất thiết phải có sự lựa chọn về mặt xuất thân dân tộc.

Bảng 2: Lựa chọn thứ nhất và thứ hai của các dân tộc cho hôn nhân của con cái mình (tỷ lệ %)

Dân tộc muốn con mình kết hôn	Các dân tộc					
	Kinh		Hoa		Khơ me	
	Lựa chọn thứ 1	Lựa chọn thứ 2	Lựa chọn thứ 1	Lựa chọn thứ 2	Lựa chọn thứ 1	Lựa chọn thứ 2
Kinh	86,1	3,5	21,2	36,4	25,3	29,9
Hoa	3,4	51,7	39,4	18,2	8,0	25,3
Khơ me	4,3	3,4	18,2	3,0	46,0	6,9
Ai cũng được	7,8		18,2		17,2	

- Có 86,1% số cha mẹ Kinh mong muốn gả con mình trước tiên cho người dân tộc mình, sau đó họ muốn gả con mình cho người Hoa (với 51,7% số người Kinh chọn), rất ít người sẵn sàng gả con mình cho người Khơ me trong lần lựa chọn thứ nhất và thứ hai.

- Cha mẹ người Hoa có tỷ lệ muốn gả con cho người dân tộc mình là 39,4%, cho người thuộc dân tộc Kinh là 21,2% và cho người Khơ me là 18,2% trong lần lựa chọn đầu tiên. Sau đó, ưu tiên số hai của họ là gả con cho người dân tộc Kinh (36,4%) hoặc dân tộc mình (18,2%).

- Cha mẹ Khơ me sẵn sàng gả con trước hết cho người dân tộc mình (46%) hoặc người Kinh (25,3%). Sau đó, họ muốn con mình kết hôn với người Kinh (29,9%) hoặc người Hoa (25,3%).

Những số liệu trên cho thấy đa số người Kinh trước hết muốn gả con cho người Kinh, sau đó mới gả cho người Hoa, không có nhiều người muốn gả con cho người

Khơ me. Còn người Hoa chỉ có khoảng 1/3 số người được hỏi trước tiên muốn gả con cho người dân tộc mình, số còn lại muốn gả con cho người Kinh hoặc người Khơ me, nhưng số muốn gả con cho người Kinh có tỷ lệ cao hơn. Người Khơ me cũng ưu tiên gả con cho người dân tộc mình nhiều hơn, sau đó, họ muốn gả con cho người Kinh hoặc người Hoa.

Như vậy, các dân tộc đều muốn gả con cho người dân tộc của mình trước tiên, sau đó thì gả cho người Kinh (với người Khơ me và người Hoa) và cho người Hoa (với người Kinh). Trong đó, đa số người Kinh có mong muốn chọn người dân tộc mình trước tiên, chỉ 1 phần người Khơ me và người Hoa muốn gả con cho dân tộc mình, phần còn lại muốn gả cho người Kinh. Điều đó nói lên rằng, dân tộc Hoa và Khơ me có xu hướng đồng nhất với dân tộc Kinh nhiều hơn, nhất là người Hoa.

4. Tính đồng nhất dân tộc có thể nhận thấy rõ nét qua vẻ ngoài của người các dân tộc.

Trong câu hỏi của chúng tôi: "*Khi gặp ai đó ngoài đường, ông/ bà có nhận biết được họ là người dân tộc nào không?*", kết quả như sau:

- Không nhận biết được: 12,7%
- Khó nhận biết: 39%
- Dễ dàng nhận biết: 48,3%

Số liệu cho thấy, hơn 1/2 số người được hỏi không thể hoặc rất khó nhận ra người họ gặp thuộc dân tộc nào. Như thế, các dân tộc đã rất giống nhau ở biểu hiện bề ngoài. Và đó là kết quả của quá trình đồng nhất hoá giữa các dân tộc. Việc nhận biết người thuộc dân tộc nào phụ thuộc vào trình độ học vấn của người trả lời: Trong số những người không nhận biết được đó là người dân tộc nào, có 20,3% học vấn cấp 1 trở xuống, 12,7% học vấn cấp 2 và 6,7% học vấn cấp 3, không ai trong số này có trình độ cao đẳng, đại học trở lên. Xét về thành phần dân tộc thì trong số đó có 6,9% người Kinh, 12,1% người Hoa, 20,7% người Khơ me.

Những quan sát

Từ những quan sát thực tế của chúng tôi trong nghiên cứu này, có thể rút ra một số nhận định sau về tính đồng nhất dân tộc trong những biểu hiện cụ thể của nó:

1. Lĩnh vực truyền thống được giữ lại (chỉ riêng đối với người Khơ me): *ngôn ngữ hàng ngày trong gia đình và các bài hát, điệu múa dân tộc.*

Đại đa số đồng bào dân tộc Khơ me trao đổi với nhau bằng tiếng dân tộc mình trong sinh hoạt hàng ngày ở gia đình. Đây là lĩnh vực truyền thống được giữ lại khá ổn định trong số các lĩnh vực văn hoá được khảo sát.

Bên cạnh đó, các loại hình văn hoá truyền thống như *các bài hát, điệu múa*

Khơ me cũng được duy trì khá tốt.

2. Cách thức làm ăn, buôn bán của người Hoa mang tính truyền thống rất cao. Họ có nguyên tắc riêng của mình trong việc làm ăn và họ tuân thủ các nguyên tắc này một cách tuyệt đối. Việc làm ăn cũng được thực hiện với các thành phần chính khép kín trong gia đình. Các thành viên trong gia đình gồm ông bà, cha mẹ và gia đình các con đều tham gia vào qui trình này khá thống nhất. Đây cũng là đặc điểm mang tính truyền thống của người Hoa.

3. Sự pha trộn giữa văn hoá truyền thống của dân tộc mình và dân tộc Kinh được thể hiện rõ qua cách thức *tổ chức đám cưới* của người Khơ me.

Đối với người Khơ me, ngoài việc tổ chức lễ cưới như của người Kinh, họ còn tổ chức một lễ theo truyền thống Khơ me: cô dâu, chú rể ăn mặc đồ cưới truyền thống, tiến hành các nghi lễ truyền thống: buộc chỉ đỏ, đám rước, lễ cầu phúc do các sư làm chủ trì, nhà cô dâu thì làm lễ mời các nhà sư cúng suốt đêm. Tuy nhiên, cách thức tổ chức lễ cưới theo hai phong tục như vậy cũng tùy thuộc vào tình trạng kinh tế của gia đình. Người giàu có thể làm nhiều lễ với nghi thức phức tạp, tốn kém nhưng người nghèo, gia đình có khó khăn thì tổ chức đơn giản và tiết kiệm hơn và đặc biệt là giảm bớt các lễ cầu và lễ cúng. Theo truyền thống của người Khơ me thì lễ cúng là lễ quan trọng nhất.

4. Hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, làm dịch vụ nông nghiệp...) là một trong những hoạt động chủ đạo của cư dân miền Tây Nam bộ. Hoạt động này chủ yếu do người Kinh và người Khơ me đảm nhận. Ngày nay, người Khơ me đã học tập ở người Kinh rất nhiều trong cách thức sản xuất, làm ăn: cách trồng lúa, cây ăn trái, cách chăn nuôi và chăm sóc gia súc, gia cầm, cách làm dịch vụ như xay xát... Những người Khơ me làm ăn giỏi, khá giả đều làm giống người Kinh, học tập người Kinh. Trong lĩnh vực này, xu hướng đồng nhất với người Kinh của người Khơ me là khá rõ rệt.

Kết luận ban đầu

- Kết quả nghiên cứu cho thấy, xu hướng tiếp nhận các giá trị của dân tộc khác và duy trì bản sắc riêng của dân tộc mình cùng tồn tại trong quá trình giao lưu văn hoá với các dân tộc khác được ghi nhận ở các dân tộc vùng Tây Nam Bộ. Trong đó, việc tiếp nhận các giá trị văn hoá của các dân tộc khác khi dân tộc thiểu số hơn nhận thấy nó văn minh hơn là một tất yếu khách quan.

- Xu hướng đồng nhất hoá (cụ thể là đồng nhất với người Kinh) và duy trì bản sắc dân tộc được diễn ra không giống nhau ở các khía cạnh văn hoá khác nhau. Lý do của xu hướng đồng nhất hoá là tiếp nhận cái tiện lợi hơn, văn minh hơn và phát triển hơn vào thói quen sinh hoạt của cộng đồng mình. Lĩnh vực được lưu giữ lại là tiếng nói dân tộc, bởi nó được sử dụng hàng ngày, nhất là trong khi không phải ai cũng có điều kiện và khả năng học tập ngôn ngữ khác (đặc biệt với phụ nữ dân tộc).

- Xu hướng đồng nhất hoá duy trì bản sắc dân tộc diễn ra không như nhau ở các dân tộc khác nhau ở Tây Nam bộ.

Chú thích

1. Số liệu rút ra từ điều tra nhiệm vụ cấp Bộ: "*Tâm trạng và nguyện vọng của cư dân Tây Nam Bộ trong việc xây dựng và củng cố khối đoàn kết dân tộc*" do Viện Tâm lý học thực hiện tại 3 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (Sóc Trăng, Kiên Giang, Hậu Giang), tháng 6/2004.